

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11 /2022/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày 04 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Nam

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015; Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020; Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; số 62/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Cư trú; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 1890/TTr-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số quy định về thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của quy định về thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam, cụ thể như sau:

1. Tại khoản 3 Điều 8: Sửa cụm từ “Đồng/hồ sơ” thành “Đồng/Giấy chứng nhận” .

2. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 13. Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường

1. Đối tượng nộp phí: Các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường

2. Mức thu:

Đơn vị tính: đồng/hồ sơ

TT	Nội dung	Mức thu
I	Phí thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường	
1	Cấp tỉnh	
1.1	Đối với dự án đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	9.400.000
1.2	Đối với dự án không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường	10.600.000
1.3	Đối với cơ sở, dự án đang hoạt động	8.700.000
2	Cấp huyện	
2.1	Đối với dự án đầu tư	6.700.000
2.2	Đối với cơ sở, dự án đang hoạt động	6.000.000
II	Phí thẩm định cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	
1	Cấp tỉnh	1.200.000
2	Cấp huyện	600.000

3. Tổ chức thu phí: Chi cục Bảo vệ môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường; Phòng Tài nguyên môi trường các huyện, thị xã, thành phố; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh.

4. Quản lý sử dụng: Số thu được để lại 85% cho cơ quan thu và 15% nộp vào ngân sách nhà nước”

3. Điều 15 được sửa đổi như sau:

“Điều 15. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường

1. Đối tượng nộp phí:

Các tổ chức, cá nhân phải lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản sẽ nộp khoản phí để bù đắp chi phí khi thực hiện thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường (một phần hoặc toàn bộ) và hoạt động thu phí.

2. Mức thu phí: 17.000.000 đồng/phương án.

3. Tổ chức thu phí: Chi cục bảo vệ môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Quản lý sử dụng: Số thu được để lại 60% cho cơ quan thu và 40% nộp vào ngân sách nhà nước.”

4. Bổ sung điểm c vào khoản 2 Điều 16 như sau:

“c) Gia hạn giấy phép lao động: 450.000 đồng/01 giấy phép.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 21 như sau:

“3. Mức thu:

- Đối với các việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã:

TT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
1	Khai sinh (đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	Đồng/1 việc	7.000
2	Khai tử (đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử)	Đồng/1 việc	7.000
3	Kết hôn (trường hợp đăng ký lại)	Đồng/1 việc	25.000
4	Nhận cha, mẹ, con	Đồng/1 việc	15.000
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	Đồng/1 việc	10.000
6	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Đồng/1 việc	10.000
7	Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	Đồng/1 việc	7.000

- Các việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện:

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
1	Khai sinh (đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	Đồng/1 việc	70.000
2	Khai tử (đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử)	Đồng/1 việc	70.000
3	Kết hôn (gồm đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn)	Đồng/1 việc	1.200.000
4	Giám hộ, chấm dứt giám hộ	Đồng/1 việc	70.000
5	Nhận cha, mẹ, con	Đồng/1 việc	1.200.000
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc; thay đổi cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	Đồng/1 việc	25.000
7	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân	Đồng/1 việc	70.000



STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
	Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		
8	Đăng ký hộ tịch khác	Đồng/1 việc	70.000

Điều 2. Quy định về lệ phí đăng ký cư trú

1. Đối tượng nộp lệ phí: Người đăng ký cư trú khi thực hiện đăng ký cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

2. Đối tượng miễn, không thu lệ phí:

a) Đối tượng được miễn lệ phí:

Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; hộ nghèo; trẻ em; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng.

b) Không thu lệ phí trong các trường hợp sau: Xóa đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú trong cơ sở dữ liệu về cư trú; điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú trường hợp do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố, số nhà.

3. Mức thu:

Đơn vị tính: Đồng/lần

TT	Nội dung thu	Mức thu
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người	10.000
2	Tách hộ	10.000
3	Gia hạn tạm trú	6.000
4	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong cơ sở dữ liệu về cư trú	6.000
5	Xác nhận thông tin về cư trú	6.000

4. Tổ chức thu lệ phí: Công an xã, phường, thị trấn và UBND xã, phường, thị trấn.

5. Quản lý sử dụng: Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số lệ phí thu được vào Ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thu lệ phí được cấp theo dự toán được duyệt hàng năm.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi Điều 18 của quy định về thu phí và

lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam.

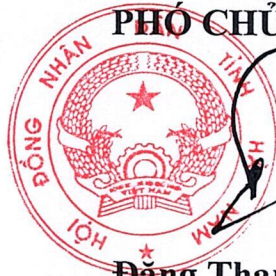
3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam Khóa XIX, Kỳ họp thứ tám (*Kỳ họp thường lệ giữa năm 2022*) thông qua ngày 04 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL- BTP;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội;
- UBND tỉnh; UBMTTQ tỉnh;
- Các Ban, các Tổ, các ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở, ngành: Tài chính, KBNN Hà Nam;
- TT HĐND, UBND huyện, TX; TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Thanh Sơn

